TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc D

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Kim San.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 69/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1139/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, nơi ĐKHKTT: Số 36/36 TĐT, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 11 đường Jing Ke, quận Nam Đồn, thành phố Đài Trung, Lãnh thổ Đài Loan. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Mạnh C, nơi cư trú: Số 36/36 TĐT, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị và anh Đinh Mạnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường

Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 11 năm 2003. Quá trình chung sống, vợ chồng không được hạnh phúc do chị và anh C phát sinh Nều mâu thuẫn, không hiểu nhau và quan tâm đến nhau. Sau đó, năm 2018 chị T đi lao động ở nước ngoài (Đài Loan). Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Nay, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Đinh Trung D, sinh ngày 05/01/2005 và Đinh Lê Yến N, sinh ngày 24/6/2018. Hiện nay, cháu D đang ở với anh C còn cháu N đang ở với bố mẹ chị T. Ly hôn, chị T đề nghị: Chị nuôi dưỡng cháu N, còn anh C nuôi dưỡng cháu D, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, chị T xin tự thỏa thuận với anh C.

Đối với anh Đinh Mạnh C:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, toàn bộ các văn bản tố tụng khác cho anh Đinh Mạnh C theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C đều không đến Tòa án và không có lời khai. Xác minh tại địa phương thể hiện: Anh C vẫn có hộ khẩu, sinh sống ở số 36/36 TĐT, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị T và anh Đinh Mạnh C đều vắng mặt. Chị T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ , tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ; bị đơn anh Đinh Mạnh C vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Lê Thị T và anh Đinh Mạnh C xây dựng gia đình với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 11 năm 2003 là hôn nhân hợp pháp. Tuy Nên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: Giao con chung là Đinh Trung D, sinh ngày 05/01/2005 cho anh Đinh Mạnh C nuôi dưỡng và Đinh Lê Yến N, sinh ngày 24/6/2018 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T xin

tự giải quyết với anh C nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị T xin tự giải quyết với anh C, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Nguyên đơn chị Lê Thị T hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Lãnh thổ Đài Loan), bị đơn anh Đinh Mạnh C sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lê Thị T và anh Đinh Mạnh C đều vắng mặt, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Đinh Mạnh C: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Đinh Mạnh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Đinh Mạnh C xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 25 tháng 11 năm 2003 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2010 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không được hạnh phúc do chị T và anh C phát sinh Nều mâu thuẫn, không hiểu nhau và quan tâm đến nhau. Sau đó, năm 2018 chị T đi lao động ở nước ngoài (Đài Loan). Chính vì sự xa cách về địa lý nên vợ chồng không tin tưởng vào nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Đinh Mạnh C có hai con chung là: Đinh Trung D, sinh ngày 05/01/2005 và Đinh Lê Yến N, sinh ngày 24/6/2018. Xét thấy, hiện nay cháu D đang ở với anh C, cháu N đang ở với bố mẹ chị T, anh C không có quan điểm về việc nuôi con, Tòa án không thể lấy được lời khai của cháu D mặc dù đã trực tiếp đến nơi cư trú của cháu D nhưng cháu D không có mặt tại gia đình. Tuy Nên, từ trước đến nay cháu D được anh C và bà nội chăm sóc, cháu N từ nhỏ sống với bà ngoại, chị T vẫn chu cấp về kinh tế để bố mẹ chị nuôi

cháu N, cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi. Mặt khác, chị T có nguyện vọng nuôi cháu N và để cháu D cho anh C nuôi, gia đình chị T đồng ý với quan điểm của chị T về việc nuôi các con chung. Do đó, cần giao con chung Đinh Trung D, sinh ngày 05/01/2005 cho anh Đinh Mạnh C nuôi dưỡng và giao cháu Đinh Lê Yến N, sinh ngày 24/6/2018 cho chị Lê Thị T, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Đinh Mạnh C nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Đinh Mạnh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Đinh Mạnh C.

2. Về con chung: Giao con chung là Đinh Trung D, sinh ngày 05/01/2005 cho anh Đinh Mạnh C, còn giao con chung Đinh Lê Yến N, sinh ngày 24/6/2018 cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị T, anh Đinh Mạnh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Đinh Mạnh C nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 008544 ngày

31 tháng 3 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H ải Phòng. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Đinh Mạnh C (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc D